

Hàn Quốc bổ sung danh sách dịch hại kiểm dịch với sản phẩm thực vật nhập khẩu

Ngày 11/11/2024, Hàn Quốc đã gửi Thông báo số G/SPS/N/KOR/212 lên WTO về việc sửa đổi danh sách đối tượng kiểm dịch. Theo đó, Cơ quan kiểm dịch động thực vật (APQA) và Bộ Nông nghiệp, Lương thực và Nông thôn Hà Quốc (MAFRA) đã sửa đổi danh sách đối tượng kiểm dịch dựa trên kết quả phân tích rủi ro dịch hại (PRA) phù hợp với quy định tại Điều 4, Điều 6 của Pháp lệnh Bộ trưởng về Luật Bảo vệ thực vật.

APQA thông báo bổ sung 36 loài gây hại vào danh sách kiểm dịch sâu bệnh vào tháng 6 năm 2025:

Danh sách các loài gây hại kiểm dịch mới được thêm vào (36 loài gây hại)

STT	Tên khoa học	Nhóm	Loại
1	<i>Forficula auricularia</i>	Dermaptera	Controlled Pest
2	<i>Curvularia nicotiae</i>	Fungus	Controlled Pest
3	<i>Pestalotiopsis malayana</i>	Fungus	Controlled Pest
4	<i>Pestalotiopsis pini</i>	Fungus	Controlled Pest
5	<i>Anatrachyntis rileyi</i>	Lepidoptera	Controlled Pest
6	<i>Argyrotaenia sphaleropa</i>	Lepidoptera	Controlled Pest
7	<i>Citripestis sagittiferella</i>	Lepidoptera	Controlled Pest
8	<i>Lasiothyris luminosa</i>	Lepidoptera	Controlled Pest
9	<i>Prays endocarpa</i>	Lepidoptera	Controlled Pest
10	<i>Xanthomonas citri</i> pv. <i>Viticola</i>	Bacteria	Controlled Pest
11	<i>Candidatus</i> Phytoplasma cynodontis	Bacteria	Controlled Pest
12	<i>Calliptamus italicus</i>	Orthoptera	Controlled Pest
13	<i>Doclostaurus maroccanus</i>	Orthoptera	Controlled Pest
14	<i>Anisandrus ursulus</i>	Orthoptera	Controlled Pest
15	<i>Arixyleborus canaliculatus</i>	Orthoptera	Controlled Pest
16	<i>Arixyleborus granifer</i>	Orthoptera	Controlled Pest
17	<i>Arixyleborus granulifer</i>	Orthoptera	Controlled Pest
18	<i>Arixyleborus imitator</i>	Orthoptera	Controlled Pest
19	<i>Arixyleborus rugosipes</i>	Orthoptera	Controlled Pest
20	<i>Debus cavulus</i>	Orthoptera	Controlled Pest
21	<i>Debus eximius</i>	Orthoptera	Controlled Pest
22	<i>Debus persimilis</i>	Orthoptera	Controlled Pest
23	<i>Debus spinatus</i>	Orthoptera	Controlled Pest
24	<i>Euwallacea andamanensis</i>	Orthoptera	Controlled Pest
25	<i>Euwallacea piceus</i>	Orthoptera	Controlled Pest
26	<i>Euwallacea quadraticollis</i>	Orthoptera	Controlled Pest
27	<i>Leptoxyleborus machili</i>	Orthoptera	Controlled Pest
28	<i>Leptoxyleborus sordicauda</i>	Orthoptera	Controlled Pest
29	<i>Taurodemus flavipes</i>	Orthoptera	Controlled Pest
30	<i>Terminalinus pseudopilifer</i>	Orthoptera	Controlled Pest
31	<i>Xyleborus bidentatus</i>	Orthoptera	Controlled Pest
32	<i>Xyleborus costatomorphus</i>	Orthoptera	Controlled Pest

STT	Tên khoa học	Nhóm	Loại
33	<i>Xyleborus exiguus</i>	Orthoptera	Controlled Pest
34	<i>Xyleborus volvulus</i>	Orthoptera	Controlled Pest
35	<i>Sphagneticola trilobata</i>	Weed	Controlled Pest
36	<i>Aneilema nudiflorum</i>	Weed	Controlled Pest

Việt Nam là thị trường cung cấp hàng qua quả lớn thứ 5 cho Hàn Quốc

Hàn Quốc hiện là thị trường xuất khẩu hàng rau quả lớn thứ 2 của Việt Nam sau Trung Quốc. Theo thống kê của Tổng cục Hải quan Việt Nam, trong 11 tháng năm 2024, kim ngạch xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam sang Hàn Quốc đạt 298,07 triệu USD, tăng 40,11% so với cùng kỳ năm 2024.

Trong khi theo số liệu thống kê của ITC, trong 9 tháng đầu năm 2024, Việt Nam là thị trường cung cấp hàng rau quả lớn thứ 5 cho Hàn Quốc. Trong 9 tháng đầu năm 2024, kim ngạch nhập khẩu hàng rau quả (HS 07 và 08 trừ hạt điều) của Hàn Quốc đạt 2,26 tỷ USD, tăng 10,5% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, các thị trường cung cấp hàng rau quả chính cho Hàn Quốc trong 9 tháng đầu năm 2024 gồm Trung Quốc, Mỹ và Philipin.

Trong 9 tháng đầu năm 2024, nhập khẩu hàng rau quả của Hàn Quốc từ Việt Nam đạt 155 triệu USD, tăng 21,8% so với cùng kỳ năm 2023. Thị phần hàng rau quả Việt nam trong tổng nhập khẩu của Hàn Quốc tăng từ 6,2% trong 9 tháng năm 2023 lên 6,8% trong 9 tháng đầu năm 2024.

Thị trường cung cấp hàng rau quả cho Hàn Quốc 9 tháng năm 2024

Thị trường	9 tháng năm 2024 (Nghìn USD)	So với 9 tháng năm 2023 (%)	Tỷ trọng 9 tháng năm 2024 (%)	Tỷ trọng 9 tháng năm 2023 (%)
Tổng	2.263.903	10,5	100,0	100,0
Mỹ	585.843	12,2	25,9	25,5
Trung Quốc	493.532	0,4	21,8	24,0
Philippin	241.276	12,7	10,7	10,4
New Zealand	164.412	19,5	7,3	6,7
Việt Nam	155.013	21,8	6,8	6,2
Chilê	136.419	-7,9	6,0	7,2
Thái Lan	117.815	59,2	5,2	3,6
Pêru	102.365	-21,1	4,5	6,3
Australia	82.415	33,7	3,6	3,0
Ecuado	31.263	215,7	1,4	0,5
Canada	20.551	2,2	0,9	1,0
Brazil	18.934	74,6	0,8	0,5
Costa Rica	15.170	34,1	0,7	0,6
Thổ Nhĩ Kỳ	14.842	45,8	0,7	0,5
Nam Phi	9.970	122,3	0,4	0,2
Mexico	8.695	-16,2	0,4	0,5
Đài Loan	6.820	16,0	0,3	0,3

Thị trường	9 tháng năm 2024 (Nghìn USD)	So với 9 tháng năm 2023 (%)	Tỷ trọng 9 tháng năm 2024 (%)	Tỷ trọng 9 tháng năm 2023 (%)
Guatemala	6.404	-29,9	0,3	0,4
Myanma	6.192	7,6	0,3	0,3
Israel	5.947	-11,1	0,3	0,3

Nguồn: ITC

Mặc dù là thị trường cung cấp hàng rau quả lớn thứ 5 cho Hàn Quốc, nhưng thị phần các nhóm hàng rau quả của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Hàn Quốc vẫn ở mức thấp. Trong nhóm rau củ, nhóm Rau, chưa nấu chín hoặc đã hấp hoặc luộc trong nước, đông lạnh (trừ khoai tây) mã HS 071080 là nhóm sản phẩm có tỷ trọng cao nhất, chiếm 5% trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Hàn Quốc trong 9 tháng đầu năm 2024, các nhóm sản phẩm khác đều chiếm tỷ trọng dưới 1%.

Trong nhóm trái cây và các loại hạt (trừ hạt điều), chỉ có nhóm Trái cây và các loại hạt đông lạnh, chưa nấu chín hoặc đã nấu chín bằng cách hấp hoặc luộc trong nước, có hoặc không thêm đường ... mã HS 81190 chiếm tỷ trọng 10,62%, các nhóm sản phẩm khác đều chiếm tỷ trọng rất thấp.

Thị phần hàng rau quả Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Hàn Quốc 9 tháng năm 2024

Mã HS	Mô tả	Hàn Quốc nhập khẩu từ Việt Nam		Tổng nhập khẩu của Hàn Quốc		Tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam	
		9T/2024 (nghìn USD)	So với 9T/2023 (%)	9T/2024 (nghìn USD)	So với 9T/2023 (%)	Năm 2023	9T/2024
	Rau củ	22.160	17,14	296.416	-2,48	6,22	7,48
071080	Rau, chưa nấu chín hoặc đã hấp hoặc luộc trong nước, đông lạnh (trừ khoai tây)	14.822	6,79	191.722	-4,73	4,57	5,00
071040	Ngô ngọt, chưa nấu chín hoặc đã hấp hoặc luộc trong nước, đông lạnh	2.218	38,11	3.601	1,61	0,53	0,75
070519	Rau diếp tươi hoặc lạnh (trừ rau diếp bắp cải)	1.195	224,73	7.386	82,69	0,12	0,40
071010	Khoai tây, chưa nấu chín hoặc đã hấp hoặc luộc trong nước, đông lạnh	1.632	-12,87	8.118	-11,04	0,62	0,55
071090	Hỗn hợp rau, chưa nấu chín	852	22,06	8.319	15,08	0,23	0,29

Mã HS	Mô tả	Hàn Quốc nhập khẩu từ Việt Nam		Tổng nhập khẩu của Hàn Quốc		Tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam	
		9T/2024 (nghìn USD)	So với 9T/2023 (%)	9T/2024 (nghìn USD)	So với 9T/2023 (%)	Năm 2023	9T/2024
	hoặc nấu chín bằng cách hấp hoặc luộc trong nước, đông lạnh						
071490	Bột sắn dây, củ salep, atisô Jerusalem và các loại rễ, củ tương tự có hàm lượng tinh bột hoặc inulin cao ...	175	695,45	3.124	2,33	0,01	0,06
070999	Rau tươi hoặc rau lạnh (n.e.s.)	459	235,04	12.523	-9,82	0,05	0,15
070920	Măng tây tươi hoặc lạnh	158	2.157,14	3.855	-9,68	0,00	0,05
071290	Rau sấy khô và hỗn hợp rau, nguyên quả, cắt nhỏ, thái lát, bẻ vụn hoặc dạng bột, nhưng không ...	234	98,31	50.887	0,97	0,04	0,08
071440	Khoai môn "Colocasia spp.", tươi, ướp lạnh, đông lạnh hoặc khô, đã thái lát hoặc chưa thái lát hoặc ở dạng ...	74	-33,33	255	16,44	0,04	0,02
071430	Khoai mỡ "Dioscorea spp.", tươi, ướp lạnh, đông lạnh hoặc khô, đã thái lát hoặc chưa thái lát hoặc ở dạng ...	53	2.550,00	60	2.900,00	0,00	0,02
071029	Các loại rau họ đậu, có vỏ hoặc không có vỏ, sống hoặc chín bằng cách hấp hoặc luộc trong ...	6	-93,68	2.032	-19,24	0,03	0,00
071239	Nấm khô và nấm cục, nguyên con,	282	28.100,00	4.534	1,91	0,00	0,10

Mã HS	Mô tả	Hàn Quốc nhập khẩu từ Việt Nam		Tổng nhập khẩu của Hàn Quốc		Tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam	
		9T/2024 (nghìn USD)	So với 9T/2023 (%)	9T/2024 (nghìn USD)	So với 9T/2023 (%)	Năm 2023	9T/2024
	cất, thái lát, bẻ vụn hoặc dạng bột, nhưng không chế biến thêm...						
	Trái cây, các loại hạt	34.458	38,97	159.109	15,76	8,16	11,62
081190	Trái cây và các loại hạt đông lạnh, chưa nấu chín hoặc đã nấu chín bằng cách hấp hoặc luộc trong nước, có hoặc không thêm đường ...	31.484	37,68	117.274	13,71	7,52	10,62
080112	Quả dứa tươi trong vỏ bên trong "endocarp"	2.054	37,48	2.056	33,07	0,49	0,69
080262	Hạt macadamia tươi hoặc khô, đã tách vỏ	250	861,54	12.156	25,33	0,01	0,08
080261	Hạt macadamia tươi hoặc khô, còn vỏ	516	337,29	755	53,46	0,04	0,17
081340	Đào, lê, đu đủ, me và các loại trái cây ăn được khác khô (trừ các loại hạt, chuối, ...	74	80,49	4.999	-13,09	0,01	0,02
081060	Sầu riêng tươi	3	-	9.112	87,53	0,00	0,00
080299	Các loại hạt, tươi hoặc khô, đã hoặc chưa bóc vỏ (trừ dứa, hạt Brazil, hạt điều ...	48	-79,83	12.432	4,38	0,08	0,02
081290	Trái cây và các loại hạt, được bảo quản tạm thời, ví dụ bằng khí lưu huỳnh đioxit, trong nước muối, trong lưu huỳnh ...	29	190,00	325	490,91	0,00	0,01

Nguồn: ITC

Với 50 triệu dân, Hàn Quốc là thị trường nhiều tiềm năng đối với hàng rau quả của Việt Nam, trong khi đây cũng là một trong những thị trường có vị trí địa lý gần với Việt Nam nên thời gian vận chuyển nhanh. Hiện có 6 loại quả tươi của Việt Nam được phép xuất khẩu vào Hàn Quốc là dưa, dứa, chuối, thanh long, xoài và bưởi.

Tuy nhiên để đẩy mạnh xuất khẩu hàng rau quả sang thị trường Hàn Quốc, các doanh nghiệp xuất khẩu cần chú ý người tiêu dùng Hàn Quốc đặt tính an toàn của nông sản, thực phẩm lên hàng đầu, sau đó mới tới chất lượng, mùi vị, hình thức bên ngoài và giá cả. Hàn Quốc là được xem là thị trường “khó tính” nhất châu Á về điều kiện đối với hàng nông sản nhập khẩu. Các loại rau quả tươi nhập khẩu phải có giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do cơ quan chức năng của Hàn Quốc ban hành. Trải qua quy trình 8 bước như đăng ký vùng trồng, phân loại, xử lý hơi nước nóng, đóng gói và dán nhãn cũng như kiểm tra trước khi thông quan, kiểm tra và chứng nhận xuất khẩu, kiểm tra nhập khẩu và những yêu cầu khác. Đối với các loại rau quả chế biến, nhà máy cung cấp cần phải đạt được giấy chứng nhận xuất khẩu do phía Hàn Quốc cấp sau khi họ đã kiểm tra dây chuyền sản xuất, máy móc thiết bị chế biến, kho lưu giữ bảo quản sản phẩm.

Trần Thị Huyền (VITIC) thực hiện